TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1269/2024/HC-PT
Ngày 16/12/2024
V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực lao động.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn

Ông Nguyễn Đắc Minh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2024, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 789/2024/TLPT-HC ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc*"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực lao động"*.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 100/HC-ST ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3334/2024/QĐPT-HC ngày 28 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Lê Thị Ngọc U, sinh năm 1975;

Địa chỉ : Số A N, Phường B, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ: Số B A, Phường H, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Võ Xuân K - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân Phường B, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số I T, Phường B, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân Phường B, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Nguyễn Nghiêm Quốc C - Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường B, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người kháng cáo: Người khởi kiện - bà Lê Thị Ngọc U.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện bà Lê Thị Ngọc U trình bày:

Bà làm nghề uốn tóc, thuộc diện lao động tự do, không đăng ký kinh doanh và cũng không giao kết hợp đồng lao động với tổ chức hay cá nhân khác. Thực hiện theo chỉ thị chống dịch Covid-19, bà tạm nghỉ việc từ ngày 28/05/2021 đến ngày 30/9/2021, tổng số ngày tạm nghỉ là 126 ngày. Theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính Phủ, tại mục II điểm 12, bà được hỗ trợ mỗi ngày nghỉ việc là 50.000 đồng, như vậy số tiền bà được hỗ trợ là 6.300.000 (Sáu triệu ba trăm ngàn) đồng. Tuy nhiên ngày 23/08/2022 bà nhận được Văn bản số 1056/UBND-LDTBXH của Ủy ban nhân dân Quận E, cho biết tổng số tiền hỗ trợ của bà chỉ là 3.000.000 đồng.

Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/07/2021 quy định căn cứ vào điều kiện cụ thể và khả năng ngân sách của địa phương, các tỉnh, thành phố xây dựng tiêu chí, xác định đối tượng mức tiền hỗ trợ nhưng mức hỗ trợ không thấp hơn 1.500.000 đồng/người/lần, hoặc 50.000 đồng/người/ngày căn cứ theo thực tế số ngày tạm dừng hoạt động theo yêu cầu của địa phương. Ủy ban nhân dân Quận E hỗ trợ của bà 3.000.000 đồng là không đúng.

Bà khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết những vấn đề sau đây: Hủy Công văn số 1056/UBND-LĐTBXH Quận 5 ngày 23/08/2022 của Ủy ban nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bị kiện - E có Văn bản số 2498/UBND-LĐTBXH ngày 11/12/2023 trình bày như sau:

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 tại Mục II điểm 12 quy định:

"Đối với lao động không có giao kết hợp đồng lao và một số đối tượng đặc thù khác: động (lao động tự do)

Căn cứ điều kiện cụ thể và khả năng ngân sách của địa phương, các tỉnh, thành phố xây dựng tiêu chí, xác định đối tượng, mức tiền hỗ trợ nhưng mức hỗ trợ không thấp hơn 1.500.000 đồng/người/lần hoặc 50.000 đồng/người/ngày căn cứ theo thực tế số ngày tạm dừng hoạt động theo yêu cầu của địa phương."

Hội đồng nhân dân Thành phố H ban hành Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 25 tháng 6 năm 2021 về một số chế độ hỗ trợ, chính sách đặc thù phục vụ công tác phòng chống dịch Covid, hỗ trợ người dân bị tác động bởi dịch Covid trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Công văn số 2209/UBND-KT ngày 01 tháng 7 năm 2021, Công văn số 2512/UBND-VX ngày 28 tháng 7 năm 2021, hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 theo Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố; Theo đó, người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) bị mất việc làm do ảnh hưởng của dịch COVID-19:

"Làm một trong 06 loại công việc sau:

Bán hàng rong, buôn bán nhỏ lẻ trên đường phố không có địa điểm cố định (buôn gánh bán bưng); Thu gom rác, phế liệu; Bốc vác, chuyển hàng bằng xe ba gác, xe thô sơ; Bán lẻ vé số lưu động; Tự làm hoặc làm việc tại các hộ kinh doanh trong lĩnh vực ăn uống, lưu trú, du lịch, chăm sóc sức khỏe (bao gồm cả bảo vệ); Làm công việc thuộc các ngành nghề, lĩnh vực phải tạm dừng hoạt động theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố tại Công văn số 1749/UBND-VX ngày 30 tháng 5 năm 2021.

Mức hỗ trợ: 50.000 đồng/người/ngày, từ ngày 31 tháng 5 năm 2021 đến ngày 29 tháng 6 năm 2021 (30 ngày)".

Như vậy, bà Lê Thị Ngọc U được nhận mức hỗ trợ là 50.000 đồng/ngày x 30 ngày = 1.500.000 đồng.

Thực hiện Công văn số 2627/UBND-VX ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ lao động

nghèo và lao động tự do gặp khó khăn do tác động của dịch bệnh COVID-19 (đợt 2) quy định:

"Tiếp tục hỗ trợ đợt 2 cho người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) gặp khó khăn do dịch COVID-19 theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND và Mục IV Công văn số 2209/UBND-KT: Thời gian hỗ trợ 30 ngày; Mức hỗ trợ 01 lần: 50.000 đồng/người/ngày x 30 ngày = 1.500.000 đồng/người".

Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp bà Lê Thị Ngọc U nhận hỗ trợ đợt 01 và đợt 02 tổng cộng là 3.000.000 đồng.

Ủy ban nhân dân Phường B, Quận E đã ban hành Quyết định chi hỗ trợ cho bà Lê Thị Ngọc U số tiền của 02 đợt là 3.000.000 đồng, nhưng bà U không đồng ý nhận tiền.

Do đó, việc đề nghị được nhận hỗ trợ của 126 ngày ngừng việc, với tổng số tiền là 6.300.000 đồng của bà Lê Thị Ngọc U là không có cơ sở để giải quyết.

Ủy ban nhân dân Quận E đề nghị Tòa án bác toàn bộ nội dung khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc U.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người khởi kiện trình bày: Do không được nhận hỗ trợ như yêu cầu nên bà U có nhiều kiến nghị gửi Ủy ban nhân dân Phường B, Quận E. Ủy ban nhân dân Phường B, Quận E có văn bản trả lời như sau: Thông báo số 1289/UBND ngày 27/12/2021 xác định bà không thuộc diện hỗ trợ theo Nghị quyết 68/NQ-CP mà chỉ được hỗ trợ diện cận nghèo; văn bản trả lời đơn kiến nghị số 81/UBND-VP ngày 26/02/2022 khẳng định số tiền hỗ trợ của bà là 3.000.000 đồng. Bà tiếp tục kiến nghị thì Ủy ban nhân dân Quận E có văn bản trả lời số 1056/UBND-LĐTBXH ngày 23/08/2022 xác định số tiền 02 đợt hỗ trợ của bà là 3.000.000 đồng. Bà cho rằng theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố tại Công văn số 1749/UBND-VX ngày 30 tháng 5 năm 2021, tổng thời gian được hỗ trợ tính từ ngày 30/5/2021 đến 30/9/2021 là 126 ngày. Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu hủy Văn bản trả lời số 1056/UBND-LĐTBXH ngày 23/08/2022 của Ủy ban nhân dân Quận E và bổ sung yêu cầu hủy Văn bản trả lời đơn kiến nghị số 81/UBND-VP ngày 26/02/2022 của Ủy ban nhân dân Phường B, Quận E.

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho người bị kiện cho rằng: Nghị quyết 68/NQ-CP tại Mục II điểm 12 quy định hỗ trợ cho lao động tự do, là lao động không có giao kết hợp đồng lao động. Căn cứ điều kiện cụ thể và khả năng ngân

sách của địa phương, các tỉnh, thành phố xây dựng tiêu chí, xác định đối tượng, mức tiền hỗ trợ nhưng mức hỗ trợ không thấp hơn 1.500.000 đồng/người/lần hoặc 50.000 đồng/người/ngày căn cứ theo thực tế số ngày tạm dừng hoạt động theo yêu cầu của địa phương. Thực hiện Nghị quyết này, Hội đồng nhân dân Thành phố H ban hành Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 25 tháng 6 năm 2021 về một số chế độ hỗ trợ, chính sách đặc thù phục vụ công tác phòng chống dịch Covid, hỗ trợ người dân bị tác động bởi dịch Covid trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Công văn số 2209/UBND-KT ngày 01 tháng 7 năm 2021, Công văn số 2512/UBND-VX ngày 28 tháng 7 năm 2021, hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 theo Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố; Theo đó, bà U thuộc trường hợp quy định tại mục 2 phần IV Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND và thời gian hỗ trợ cho 02 đợt giãn cách từ 31/5/2021 đến 14/6/2021 và từ 15/6/2021 đến 29/6/2021, mức hỗ trợ là 50.000 đồng/ngày, nên số tiền là 3.000.000 đồng. Tiếp đó Ủy ban nhân dân Thành phố H có Công văn số 2627/UBND-VX ngày 06 tháng 8 năm 2021 về việc hỗ trợ (đợt 02) thì thời gian hỗ trợ 30 ngày, mức hỗ trợ 50.000 đồng/người/ngày, số tiền là 1.500.000 đồng. Như vậy bà Lê Thị Ngọc U nhận hỗ trợ đợt 01 và đợt 02 tổng cộng là 3.000.000 đồng. Ủy ban nhân dân Quận E thực hiện chi hỗ trợ cho bà U là đúng pháp luật; Đề nghị bác yêu cầu của bà U.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân Phường B, Quận E trình bày: Nghị quyết số 68/NQ-CP chỉ xác định lao động tự do mà chưa quy định rõ ngành nghề nên Ủy ban nhân dân Phường B, Quận E ban hành thông báo số 1289/UBND ngày 27/12/2021 xác định bà U không thuộc diện hỗ trợ theo Nghị quyết 68/NQ-CP mà chỉ được hỗ trợ diện cận nghèo. Mục 2 phần IV Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng Nhân dân Thành phố H xác định nội dung ngành nghề của bà U thuộc diện hỗ trợ nên Ủy ban phường căn cứ văn bản hướng dẫn của Ủy ban nhân dân Thành phố như văn bản số 2209/UBND-KT và số 2512/UBND-VX để chi trả hỗ trợ. Về gói hỗ trợ đợt 03 theo Nghị quyết số 97/NQ-HĐND, do bà U từ chối nhận nên không chi trả. Ủy ban Phường đã chi trả hỗ trợ cho bà U đúng quy định, đề nghị bác yêu cầu của bà U.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 100/HC-ST ngày 08/4/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc U về việc hủy Văn bản trả lời đơn kiến nghị số 1056/UBND-LĐTBXH của Ủy ban nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 23/08/2022 và Văn bản trả lời đơn kiến nghị số 81/UBND-VP ngày 26/02/2022 của Ủy ban nhân dân Phường B, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm, quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 11/4/2024, người khởi kiện - bà Lê Thị Ngọc U kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số 100/HC-ST ngày 08/4/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, cụ thể bà U yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà. Lý do như bà đã trình bày trong suốt quá trình tham gia tố tụng tại cấp sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã giải quyết đúng pháp luật. Người khởi kiện kháng cáo nhưng tại cấp phúc thẩm không cung cấp được thêm tài liệu chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Ngọc U, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 100/HC-ST ngày 08/4/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tòa án đã triệu tập hợp lệ các bên đương sự tham gia phiên tòa đến lần

thứ hai. Ủy ban nhân dân Quận E và Ủy ban nhân dân phường B, Quận E vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện, quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Đối tượng khởi kiện là Văn bản số 1056/UBND-LĐTBXH của Ủy ban nhân dân Quận E. Đây là khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý lao động, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 30, Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Văn bản trả lời đơn số 1056/UBND-LĐTBXH ban hành ngày 23/08/2022. Ngày 06/01/2023 bà U nộp đơn khởi kiện tại Tòa án là còn thời hiệu khởi kiện theo Khoản 3 Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của người khởi kiện - bà Lê Thị Ngọc U yêu cầu sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà, thấy rằng :

[2.1] Về thẩm quyền ban hành:

Ủy ban nhân dân Quận E ban hành văn bản trả lời đơn số 1056/UBND-LĐTBXH và Ủy ban nhân dân Phường B, Quận E ban hành văn bản về việc trả lời đơn kiến nghị số 81/UBND-VP ngày 26/02/2022 là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm c Điều 4 Luật Tiếp Công dân.

[2.2] Về nội dung của quyết định hành chính bị kiện:

[2.2.1] Bà U cho rằng bà thuộc trường hợp được hỗ trợ theo Nghị quyết 68/NQ-CP; theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố tại Công văn số 1749/UBND-VX ngày 30 tháng 5 năm 2021, tổng thời gian được hỗ trợ tính từ ngày 30/5/2021 đến 30/9/2021 là 126 ngày, tương đương số tiền 6.300.000 đồng.

[2.2.2] Ngược lại, Ủy ban nhân dân Quận E và Ủy ban nhân dân phường B, Quận E cho rằng bà U không thuộc diện hỗ trợ theo Nghị quyết 68/NQ-CP mà thuộc trường hợp quy định tại mục 2 phần IV Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND (xác định nội dung ngành nghề của bà U thuộc diện hỗ trợ) và thời gian hỗ trợ cho 02 đợt giãn cách từ 31/5/2021 đến 14/6/2021 và từ 15/6/2021 đến 29/6/2021, mức hỗ trợ là 50.000 đồng/ngày, nên số tiền là 3.000.000 đồng. Như vậy, bà Lê Thị Ngọc U nhận hỗ trợ đợt 01 và đợt 02 tổng cộng là 3.000.000 đồng. Ủy ban nhân dân phường B, Quận E thực hiện chi hỗ trợ cho bà U là đúng pháp luật; về

gói hỗ trợ đợt 03 theo Nghị quyết 97/NQ-HĐND, do bà U từ chối nhận nên không chi trả.

[2.2.3] Xét thấy, Ủy ban nhân dân Thành phố H đã ban hành các văn bản chỉ đạo chống dịch Covid trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh như sau: Văn bản số 1641/UBND-VX ngày 21/5/2021 về tiếp tục tạm dừng hoạt động một số loại hình dịch vụ để phòng, chống dịch COVID-19; Văn bản số 1737/UBND-VX ngày 28/5/2021 về tăng cường triển khai các hoạt động phòng, chống dịch COVID-19; Văn bản số 1749/UBND-VX ngày 30/5/2021 về triển khai tăng cường các biện pháp kiểm soát dịch bệnh COVID-19. Các văn bản này chỉ đạo tập trung các loại hình tập trung đông người.

[2.2.4] Bà Lê Thị Ngọc U là lao động tự do, ngành nghề uốn tóc, không giao kết hợp đồng lao động với bất kỳ cá nhân, tổ chức nào. Theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố H, bà U có trách nhiệm thực hiện lệnh giãn cách xã hội theo Chỉ thị 15/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Theo quy định tại Điểm 12 Mục II Nghị quyết 68/NQ-CP của Chính Phủ, Đ a Khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố H ban hành về một số chế độ hỗ trợ, chính sách đặc thù phục vụ công tác phòng chống dịch Covid, hỗ trợ người dân bị tác động bởi dịch Covid trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, thì bà U là đối tượng được nhận hỗ trợ, mức hỗ trợ không thấp hơn 1.500.000 đồng/người/lần hoặc 50.000 đồng/người/ngày căn cứ theo thực tế số ngày tạm ngừng hoạt động theo yêu cầu của địa phương.

[2.2.5] Điểm 8 Mục III nghị quyết 68/NQ-CP của Chính Phủ quy định *"căn cứ và tình hình thực tế của địa phương để ban hành chính sách hỗ trợ theo quy định tại điểm 12 Mục II Nghị quyết này từ nguồn ngân sách địa phương và các nguồn huy động hợp pháp khác"*. Ủy ban nhân dân Thành phố H có hai văn bản hướng dẫn thực hiện trợ cấp người dân bị tác động bởi dịch Covid trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Văn bản số 2209/UBND-KT (khoản 3 Mục IV) Ủy ban nhân dân Thành phố H ngày 01/7/2021 về triển khai chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết 09/2021/NQ-HĐND, thì hỗ trợ đợt 01 cho 02 lần giãn cách xã hội, tính từ ngày 31/5/2021 đến 14/6/2021, mức hỗ trợ 50.000 đồng/ngày, số tiền 1.500.000 đồng.

- Văn bản số 2627/UBND-VX ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ lao động nghèo và

lao động tự do gặp khó khăn do tác động của dịch bệnh COVID-19 (đợt 02), quy định "Tiếp tục hỗ trợ đợt 2 cho người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) gặp khó khăn do dịch COVID-19 theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND và Mục IV Công văn số 2209/UBND-KT: Thời gian hỗ trợ 30 ngày; Mức hỗ trợ 01 lần: 50.000 đồng/người/ngày x 30 ngày = 1.500.000 đồng/người".

[2.2.6] Như vậy, theo các quy định nêu trên, trường hợp bà Lê Thị Ngọc U được nhận hỗ trợ đợt 01 và đợt 02 tổng cộng là 3.000.000 đồng.Việc bà U cho rằng bà tạm ngưng hoạt động do quy định của Văn bản số 1749/UBND-VX ngày 30/5/2021 là không đúng vì bà không phải là những tổ chức hành nghề chịu sự điều chỉnh của văn bản. Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bà U không cung cấp được chứng cứ thể hiện cơ quản quản lý nhà nước yêu cầu bà phải dừng hoạt động kinh doanh 126 ngày.

[3] Từ sự phân tích từ mục [2] đến mục [2.2.6], bản án hành chính sơ thẩm số 100/HC-ST ngày 08/4/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của bà U là đúng pháp luật.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lê Thị Ngọc U yêu cầu sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà nhưng ngoài lời trình bày bà U không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Ngọc U.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Ngọc U, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 100/HC-ST ngày 08/4/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Ý kiến phân tích và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với chứng cứ và nhận định trên của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Lê Thị Ngọc U phải chịu án phí hành chính phúc thẩm 300.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của bà bà Lê Thị Ngọc U, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 100/HC-ST ngày 08/4/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

1.1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc U về việc hủy Văn bản trả lời đơn kiến nghị số 1056/UBND-LĐTBXH của Ủy ban nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 23/08/2022 và Văn bản trả lời đơn kiến nghị số 81/UBND-VP ngày 26/02/2022 của Ủy ban nhân dân Phường B, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà Lê Thị Ngọc U phải nộp án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà U đã đóng tạm ứng án phí 300.000 đồng (theo biên lai tạm ứng án phí số 01870 ngày 04/08/2023 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh) nên được cấn trừ, sau khi cấn trừ, bà U đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Lê Thị Ngọc U phải chịu án phí hành chính phúc thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà U đã nộp theo Biên lai thu số 0004007, ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi cấn trừ, bà Lê Thị Ngọc U đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND TP.HCM (1);
- VKSND TP.HCM (1);
- Cục THADS TP.HCM (1);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP, NVK.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Hoa